

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

*(Ban hành theo Quyết định số 4955-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

Cơ sở giáo dục : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**  
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:  
Tên văn bằng : **Cử nhân Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước**  
Tên chương trình : **Công tác tổ chức**  
Trình độ đào tạo : **Đại học**  
Ngành đào tạo : **Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước**  
Mã số : **7310202**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo trình độ cử nhân ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, chuyên ngành Công tác tổ chức, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có kỹ năng, nghiệp vụ công tác tổ chức, làm công tác tham mưu trong các cơ quan đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị lực lượng vũ trang, các tổ chức đảng trong doanh nghiệp; làm công tác quản trị nhân sự trong doanh nghiệp; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Kiến thức**

- Có kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, lý luận chính trị, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng, an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;
- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với ngành xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước chuyên ngành công tác tổ chức;
- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Có kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, dân vận, kiểm tra, giám sát, giao tiếp thực thi công vụ, xử lý tình huống và quản lý nhân sự, công sở.
- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học

ngành xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước.

### *1.2.2. Kỹ năng*

- Kỹ năng gắn với khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

+ Kỹ năng theo khối kiến thức cơ sở ngành: Có kỹ năng phân tích và nhận diện các vấn đề cơ bản về khoa học lãnh đạo, nghệ thuật lãnh đạo; những vấn đề Nhà nước và pháp luật, quản lý kinh tế, nhận diện các quan hệ quốc tế, địa chính trị thế giới, cách thức tổ chức và hoạt động của các đảng chính trị trên thế giới, truyền thông và vận động; kỹ năng tổ chức, kỹ năng soạn thảo, ban hành các quyết định hành chính nhà nước, kỹ năng phân tích, tổng hợp, rút ra kinh nghiệm lịch sử xây dựng chính quyền nhà nước Việt Nam.

+ Kỹ năng theo khối kiến thức ngành: Có kỹ năng bao quát, giải quyết vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, quản lý nhà nước; kỹ năng lãnh đạo, quản lý; kỹ năng tham mưu, giúp việc cho cấp ủy, lãnh đạo đơn vị các ngành, các cấp, trong doanh nghiệp.

+ Kỹ năng theo khối kiến thức chuyên ngành: Có kỹ năng tích hợp trong thực hiện nghiệp vụ công tác tổ chức như: kỹ năng phát hiện vấn đề, thu thập và xử lý thông tin, xử lý tình huống; tham mưu, đề xuất, lập kế hoạch, quản lý nhân sự, quản lý công sở; soạn thảo văn bản, quản lý hồ sơ, số liệu trong công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên.

- Kỹ năng khác: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm; sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

### *1.2.3. Về phẩm chất chính trị, đạo đức*

- Phẩm chất chính trị: Tuyệt đối trung thành chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, không hoang mang, dao động trước những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, kiên quyết bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ.

- Phẩm chất đạo đức cá nhân: Trung thực, thẳng thắn, có lối sống trong sáng, khiêm tốn, giản dị, gần gũi với quần chúng, lời nói đi đôi với việc làm.

- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Có đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; có ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong công tác, nhiệt tình, say mê nghề nghiệp.

- Phẩm chất đạo đức xã hội: nhân ái, vị tha, bao dung, gần gũi, gắn bó mật thiết với Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân.

### *1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp*

Người được đào tạo Cử nhân ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước chuyên ngành Công tác tổ chức có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Cán bộ làm công tác tổ chức trong các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp; làm công tác tham mưu, nghiên cứu, tổng hợp ở các ban đảng, các cơ quan chuyên

môn từ Trung ương đến cơ sở; làm công tác tổ chức - cán bộ, công tác văn phòng trong các cơ quan, đơn vị của hệ thống chính trị;

- Cán bộ làm công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang, công tác đảng trong doanh nghiệp;

- Cán bộ làm công tác quản trị nhân sự trong doanh nghiệp.

#### **1.4. Trình độ ngoại ngữ**

Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 3/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

#### **1.5. Trình độ Tin học**

Người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức tin học văn phòng trình độ A, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

### **2. Căn cứ xây dựng chương trình**

#### **2.1. Căn cứ thực tiễn**

##### *2.1.1. Các chương trình đào tạo được sử dụng để tham khảo*

- Chương trình đào tạo cao cấp lý luận chính trị ban hành kèm theo Quyết định số 3092/QĐ-HVCTQG ngày 24/7/2017 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

- Chương trình đào tạo Cử nhân chính trị chuyên ngành Tổ chức, Kiểm tra, Dân vận của Viện Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (năm 2017).

- Chương trình đào tạo Cử nhân Chính trị học chuyên ngành Quản lý hoạt động tư tưởng - văn hóa, Chính trị phát triển, Quan hệ quốc tế, Quản lý nhà nước (năm 2016) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền...

##### *2.1.2. Kết quả khảo sát*

###### *\* Khảo sát nhu cầu xã hội*

Đầu năm 2018, khoa Xây dựng Đảng đã tiến hành khảo sát các chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, các cơ sở liên kết đào tạo, các nhà tuyển dụng (Viện nghiên cứu, các trường đại học, trường chính trị tỉnh, thành phố; cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp) về nhu cầu nhân lực ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước chuyên ngành Công tác tổ chức bằng hình thức phỏng vấn. Kết quả các cuộc phỏng vấn cho thấy, 100% ý kiến cho rằng: nhu cầu về nguồn nhân lực ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước chuyên ngành công tác tổ chức rất lớn, việc đào tạo cử nhân chuyên ngành Công tác tổ chức là cần thiết, đáp ứng yêu cầu của xã hội và các cơ quan, đơn vị tuyển dụng.

\* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

#### **2.2. Căn cứ pháp lý**

- Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

### **3. Chuẩn đầu ra chương trình**

#### **3.1. Về kiến thức**

##### *Kiến thức đại cương*

**CDR 1.** Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**CDR 2.** Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học như chính trị, pháp luật, văn hóa, đạo đức, quan hệ công chúng, ngôn ngữ, tâm lý...

**CDR 3.** Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong nghiên cứu.

##### *Kiến thức cơ sở ngành*

**CDR 4.** Phân tích được các lý thuyết về khoa học lãnh đạo như quan niệm, bản chất, mối quan hệ giữa chủ thể với đối tượng lãnh đạo, nguyên tắc, phương pháp lãnh đạo, khoa học về dùng người và nghệ thuật lãnh đạo.

**CĐR 5.** Phân tích được lý luận chung về Nhà nước pháp quyền XHCN; về tổ chức phân công thực hiện quyền lực trong bộ máy Nhà nước; về xây dựng và thực hiện pháp luật.

**CĐR 6.** Vận dụng được các kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế để nhận thức tình hình thế giới, bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

**CĐR 7.** Vận dụng được lý thuyết truyền thông và vận động để xây dựng và thực hiện kế hoạch truyền thông.

**CĐR 8.** Phân tích được các học thuyết, quy luật, hoạt động, cơ cấu, thiết kế tổ chức và sử dụng con người trong tổ chức.

**CĐR 9.** Hiểu được một cách hệ thống quá trình xây dựng dựng Đảng và chính quyền Nhà nước; quản lý kinh tế; tổ chức và hoạt động của các đảng chính trị trên thế giới; địa chính trị thế giới.

*Kiến thức ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước*

**CĐR 10.** Hiểu được một cách hệ thống tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

**CĐR 11.** Phân tích được khái niệm, vai trò, nội dung, phương thức và giải pháp xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức.

**CĐR 12.** Xác định được tiêu chuẩn đảng viên; nguyên tắc tổ chức và hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng; nội dung, nguyên tắc bảo vệ chính trị nội bộ.

**CĐR 13.** Phân tích được các quan điểm của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ, tác dân vận.

**CĐR 14.** Xác định được đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam và chức năng, nhiệm vụ của từng thành tố trong hệ thống chính trị.

**CĐR 15.** Xác định được nội dung, phương thức Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội; công tác tư tưởng và dân vận của Đảng; nội dung và công cụ Nhà nước quản lý các lĩnh vực đời sống xã hội.

**CĐR 16.** Phân tích được các giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; xây dựng đội ngũ đảng viên và cán bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và công tác dân vận.

**CĐR 17.** Xác định được nội dung, hình thức, phương pháp, tính chất của kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng.

**CĐR 18.** Xác định được bản chất, đặc điểm, chức năng, các yếu tố cấu thành nên hành chính nhà nước.

**CĐR 19.** Phân tích được quá trình ban hành và tổ chức thực hiện quyết định hành chính Nhà nước, nội dung cải cách hành chính nhà nước giai đoạn hiện nay.

**CĐR 20.** Hiểu được một cách hệ thống các ngành luật cơ bản của Việt Nam; kiểm tra, giám sát và thực thi quyền lực Nhà nước; khoa học về chính sách công, khoa học về

quản lý; vấn đề quyền lực chính trị; thể chế chính trị thế giới đương đại; dư luận xã hội, phân tích chính sách, quản lý và phát triển nguồn nhân lực hành chính.

#### *Kiến thức chuyên ngành*

**CDR 21.** Phân tích được nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Đảng, Nhà nước, UBMTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; kiện toàn và đổi mới hệ thống chính trị.

**CDR 22.** Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp trong thực hiện nhiệm vụ.

**CDR 23.** Xác định được đặc trưng, nguyên tắc, các yếu tố để thực thi công vụ; quyền, nghĩa vụ và xử lý vi phạm của cán bộ, công chức.

**CDR 24.** Vận dụng được nghiệp vụ công tác tổ chức; công tác cán bộ, đảng viên; công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quản lý nhân sự, quản lý công sở.

**CDR 25.** Xác định được chủ thể, chức năng, nhiệm vụ, vai trò, nội dung và phương thức lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở.

**CDR 26.** Vận dụng được nghiệp vụ công tác văn phòng cấp ủy và văn phòng hành chính nhà nước để tham mưu, phục vụ lãnh đạo.

**CDR 27.** Xác định được nguyên tắc, quy trình, phương pháp xử lý tình huống công tác tổ chức.

### **3.2. Về kỹ năng**

#### *Kỹ năng chung*

**CDR 28.** Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**CDR 29.** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

**CDR 30.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

**CDR 31.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

**CDR 32.** Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

#### *Kỹ năng chuyên biệt cho chuyên ngành Công tác tổ chức*

**CDR 33.** Kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ cơ bản về công tác tổ chức, đảng viên, cán bộ, công chức.

**CDR 34.** Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức hoạt động của đảng viên, cán bộ, công chức, quản lý nhân sự.

**CDR 35.** Kỹ năng đánh giá chất lượng, hiệu quả trong thực hiện các nghiệp vụ công tác tổ chức, đảng viên, cán bộ, công chức, quản lý nhân sự và quản lý công sở.

**CDR 36.** Kỹ năng giao tiếp, dùng người, lựa chọn vấn đề để tham mưu cho lãnh đạo.

**CDR 37.** Kỹ năng sử dụng phương tiện CNTT, phần mềm để soạn thảo văn bản, quản lý đảng viên, cán bộ, công chức.

**CDR 38.** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn để có thể nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng nước ngoài.

**CDR 39.** Kỹ năng xử lý tình huống trong công tác tổ chức.

### **3.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**

**CDR 40.** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

**CDR 41.** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**CDR 42.** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**CDR 43.** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

## **4. Thời gian đào tạo: 4 năm**

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

## **6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước chuyên ngành tổ chức nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

## 8. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

## 9. Nội dung chương trình

### 9.1. Cấu trúc chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm Kiến thức Giáo dục thể chất và Quốc phòng - An ninh), trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>45 tín chỉ</b>
- Khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	15 tín chỉ
- Khoa học xã hội và nhân văn	15 tín chỉ
<i>Bắt buộc</i>	<i>9 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
- Tin học	<b>3 tín chỉ</b>
- Ngoại ngữ	<b>12 tín chỉ</b>
Giáo dục thể chất và quốc phòng	12 tín chỉ
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>85 tín chỉ</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	18 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>12 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
- Kiến thức ngành	36 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>27 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>9/27 tín chỉ</i>
- Kiến thức chuyên ngành	31 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>25 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
Kiến tập, thực tập nghề nghiệp	3 tín chỉ
- Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6 tín chỉ
<b>Tổng</b>	<b>130 tín chỉ</b>

## 9.2. Nội dung chương trình khung

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>45</b>	
<b>1.1. Khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>15</b>	
1.	<b>TM01001</b>	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	4,0 (3,0:1,0)	
2.	<b>KT01001</b>	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	3,0 (2,0:1,0)	
3.	<b>CN01001</b>	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.	3,0 (2,0:1,0)	
4.	<b>LS01001</b>	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	3,0 (2,0:1,0)	
5.	<b>TH01001</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết	2,0 (1,5:0,5)	

			quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.		
<b>1.2. Kiến thức Khoa học xã hội và nhân văn</b>				<b>15</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<b>9</b>	
6.	<b>NP01001</b>	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	TM01001 CN01001
7.	<b>CT01001</b>	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
8.	<b>XD01001</b>	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	TM01001 KT01001 CN01001
9.	<b>TG01004</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5:0,5)	
<i>Tự chọn</i>				<b>6/18</b>	
10.	<b>TT01002</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	2,0 (1,5:0,5)	
11.	<b>TM01003</b>	Đạo đức học	Nội dung học phần gồm quy luật hình thành phát triển của đạo đức, các phạm trù	2,0	

			<p>ơ bản của đạo đức học, các phẩm chất đạo đức cá nhân và các giá trị đạo đức truyền thống. Người học rút ra ý nghĩa, bài học để vận dụng vào thực tiễn nhằm điều chỉnh suy nghĩ và hoạt động con người theo nguyên tắc hướng tới chân, thiện, mỹ.</p>	(1,5:0,5)	
12.	<b>TM01007</b>	Lôgic học	<p>Trang bị cho người học những tri thức cơ bản, hiện đại về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp tư duy đúng đắn của logic học đại cương và vận dụng chúng vào hoạt động thực tiễn.</p>	2,0 (1,5:0,5)	
13.	<b>TG01003</b>	Lý luận dạy học đại học	<p>Nội dung học phần gồm: Bản chất của quá trình dạy học, các nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học, lập kế hoạch dạy học. Sinh viên thực hành các kỹ năng xác định mục tiêu bài học, lựa chọn nội dung và phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu cụ thể.</p>	2,0 (1,5:0,5)	
14.	<b>TT01001</b>	Lịch sử văn minh thế giới	<p>Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nền văn minh lớn của nhân loại trong tiến trình lịch sử. Trên cơ sở đó, người học nâng cao phong kiến thức về văn hoá thế giới trong hội nhập và phát triển để xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của lịch sử.</p>	2,0 (1,5:0,5)	
15.	<b>TG01006</b>	Tâm lý học đại cương	<p>Những kiến thức cơ bản về bản chất hiện tượng tâm lý người, quy luật và các cơ chế hình thành các hiện tượng tâm lý như nhận thức, tình cảm, ý chí của cá nhân; khái niệm nhân cách, các thành tố trong cấu trúc nhân cách và con đường hình thành và phát triển nhân cách.</p>	2,0 (1,5:0,5)	
16.	<b>ĐC01001</b>	Tiếng Việt thực hành	<p>Gồm những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.</p>	2,0 (1,5:0,5)	
17.	<b>QQ01002</b>	Quan hệ công chúng	<p>Trang bị cơ sở lý thuyết chung của quan hệ công chúng, những kiến thức về khái niệm, vai trò, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các hoạt động quan hệ công chúng bao gồm kỹ năng lập kế hoạch, xử lý khủng hoảng, quan hệ báo chí và tổ chức sự kiện. Môn học cũng trang bị cho sinh viên những nguyên tắc tác nghiệp, kỹ năng vận dụng công cụ quan hệ công chúng vào các lĩnh vực chuyên ngành, kỹ năng giao tiếp trong nhiều tình huống như thuyết trình, tranh luận, liên hệ với các nhóm đối tượng khác nhau.</p>	2,0 (1,5:0,5)	

18.	<b>XH01001</b>	Xã hội học đại cương	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.3. Tin học</b>				<b>3</b>	
19.	<b>ĐC01005</b>	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>1.4. Ngoại ngữ</b> (sinh viên chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)				<b>12/24</b>	
20.	<b>NN01015</b>	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp(Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
21.	<b>NN01016</b>	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
22.	<b>NN01017</b>	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23.	<b>NN01019</b>	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ	4,0 (2,0:2,0)	

			năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán...Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.		
24.	<b>NN01020</b>	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ đề thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
25.	<b>NN01021</b>	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>85</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<i>12</i>	
26.	<b>XD01004</b>	Khoa học lãnh đạo	Nội dung học phần gồm: lược sử lãnh đạo; bản chất của hoạt động lãnh đạo; mối quan hệ giữa chủ thể với đối tượng lãnh đạo; các nguyên tắc, phương pháp lãnh đạo; quy trình ban hành quyết sách và chấp hành quyết sách; khoa học về sử dụng con người và tư tưởng Hồ Chí Minh về dùng người; nghệ thuật thương thuyết, nghệ thuật lãnh đạo, rèn luyện phẩm chất và tác phong lãnh đạo, phương pháp đánh giá hiệu quả lãnh đạo.	3,0 (2,0:1,0)	XD01001
27.	<b>NP02001</b>	Nhà nước và Pháp luật	Bao gồm các vấn đề mang tính chất nguyên lý về nhà nước và pháp quyền XHCN; mô hình tổ chức cũng như phương thức thực hiện quyền lực trong xây dựng nhà nước pháp quyền CHXHCN Việt Nam; xây dựng và thực hiện pháp luật trong điều kiện hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	NP01001 CT01001
28.	<b>QT02001</b>	Quan hệ quốc tế	Môn học gồm các nội dung cơ bản và mang tính hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế trong đó có UN, ASEAN; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối	3,0 (2,0:1,0)	

			ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.		
29.	<b>TT02353</b>	Truyền thông và vận động	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về truyền thông bao gồm: khái niệm, các lý thuyết truyền thông, mô hình truyền thông, các yếu tố cấu thành hoạt động truyền thông, khái niệm và bản chất của vận động; truyền thông thay đổi hành vi; phương pháp xây dựng, duy trì và thực hiện kế hoạch truyền thông và vận động.	3,0 (2,0:1,0)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
30.	<b>XD02303</b>	Các đảng chính trị trên thế giới	Nội dung học phần gồm: khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và điều kiện để đảng chính trị trở thành đảng cầm quyền; tổ chức và hoạt động của một số đảng chính trị trên thế giới ở Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai len, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa Pháp, Liên bang Nga, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa Singapore.	3,0 (2,0:1,0)	XD01001
31.	<b>XD02403</b>	Lịch sử xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam	Nội dung học phần gồm: quá trình xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi Đảng ta ra đời cho đến nay (quá trình xây dựng nội bộ Đảng gồm xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; các mặt công tác của Đảng như công tác dân vận, công tác kiểm tra, giám sát; các bài học kinh nghiệm về xây dựng Đảng).	3,0 (2,0; 1,0)	XD01001 XD02303 XD02402
32.	<b>KT02001</b>	Quản lý kinh tế	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế và khoa học quản lý kinh tế; chức năng, nguyên tắc, phương pháp, cơ chế quản lý kinh tế; công cụ, cơ cấu tổ chức quản lý kinh tế; quản lý nhà nước về kinh tế; quản lý các loại hình doanh nghiệp; thông tin và quyết định quản lý kinh tế; làm cơ sở cho việc nắm bắt, đánh giá và giải quyết các vấn đề của thực tiễn quản lý kinh tế.	3,0 (2,0:1,0)	
33.	<b>XD02401</b>	Khoa học tổ chức	Nội dung học phần gồm: Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về khoa học tổ chức xây dựng Đảng; các học thuyết chủ yếu về tổ chức; những quy luật cơ bản của tổ chức; hoạt động, cơ cấu, thiết kế tổ chức và sử dụng con người trong tổ chức; vận dụng khoa học tổ chức trong xây dựng Đảng về tổ chức.	3,0 (2,0:1,0)	XD01001 XD02303 XD02403

34.	<b>NP02002</b>	Lịch sử xây dựng chính quyền nhà nước Việt Nam	Bao gồm những kiến thức cơ bản về chính quyền nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau, trong đó làm rõ cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương; hệ thống pháp luật của nước ta trong các giai đoạn lịch sử từ khi hình thành nhà nước Văn Lang – Âu Lạc cho đến nay.	3,0 (2,0;1,0)	NP01001 XD02403
35.	<b>QT02560</b>	Địa chính trị thế giới	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa- chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa – chính trị Việt Nam; Địa-chính trị của biển và địa – chính trị biển Đông.	3,0 (2,0;1,0)	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				<b>36</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>27</b>	
36.	<b>XD02402</b>	Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm những vấn đề lý luận nền tảng cơ bản: tư tưởng C.Mác và Ph.Ăngghen về xây dựng chính đảng độc lập của giai cấp công nhân; học thuyết của V.I.Lênin về Đảng kiểu mới, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay; giới thiệu một số tác phẩm kinh điển tiêu biểu của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng.	3,0 (2,0;1,0)	XD01001 XD02303
37.	<b>XD02404</b>	Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức	Nội dung học phần gồm: các khái niệm cơ bản, vai trò, nội dung, nguyên tắc xây dựng Đảng về chính trị; nội dung, phương thức xây dựng Đảng về tư tưởng, về đạo đức; các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng về tư tưởng, đạo đức; phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên	4,0 (3,0; 1,0)	XD01001 XD02403 XD02402
38.	<b>XD02405</b>	Xây dựng Đảng về tổ chức	Nội dung học phần gồm: vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của xây dựng Đảng về tổ chức; về khái niệm, đặc điểm, việc xây dựng hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến cơ sở; khái niệm, vị trí, vai trò, mục tiêu, quan điểm về xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên cũng như khái niệm, vị trí, phương châm, nguyên tắc... công tác bảo vệ chính trị nội bộ.	3,0 (2,0; 1,0)	XD02402
39.	<b>XD02406</b>	Thực tế chính trị - xã hội	Tổ chức cho sinh viên thành các đoàn thâm nhập thực tế chính trị - xã hội ở địa phương: làm việc, nghe báo cáo của các tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở địa phương; tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, tham gia lao động, sản xuất với nhân dân địa phương; tuyên truyền đường lối, chủ trương,	2,0 (0,5; 1,5)	XD02405

			ng nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho nhân dân địa phương, vận động nhân dân; phối hợp với Đoàn TNCS HCM và các đoàn thể địa phương tổ chức các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ; viết báo cáo thu hoạch thực tế chính trị - xã hội.		
40.	<b>XD03318</b>	Các ngành luật cơ bản của Việt Nam	Nội dung học phần gồm: khái niệm, đối tượng nghiên cứu, quan hệ pháp luật, quy phạm pháp luật, các chế định cơ bản và liên hệ thực hiện trong thực tế của các ngành luật Hiến pháp; ngành luật Dân sự & tố tụng dân sự, ngành luật Hành chính và tố tụng Hành chính, ngành luật Hình sự và Tố tụng hình sự; ngành luật Kinh tế.	3,0 (2,0; 1,0)	NP02001
41.	<b>XD02407</b>	Quản lý nhà nước trong các lĩnh vực trọng yếu	Nội dung học phần gồm: khái niệm, vai trò quản lý nhà nước; nội dung, phương pháp, công cụ quản lý nhà nước, vấn đề thực tiễn đặt ra và các giải pháp quản lý nhà nước trên các lĩnh vực Kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, an ninh - quốc phòng, hành chính tư pháp.	3,0 (2,0; 1,0)	NP02001
42.	<b>XD02408</b>	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội	Nội dung học phần gồm: khái niệm, cấu trúc, đặc điểm, vai trò, chức năng của các tổ chức thành viên HTCT; nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức thành viên của HTCT (Quốc hội, Chính phủ, cơ quan tư pháp, Mặt trận TQVN và các đoàn thể chính trị - xã hội); nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với kinh tế; văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo; khoa học- công nghệ; quốc phòng-an ninh; đối ngoại và báo chí.	3,0 (2,0; 1,0)	XD02402
43.	<b>XD02409</b>	Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng	Nội dung học phần gồm: Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về kiểm tra, giám sát và khen thưởng, kỷ luật đảng; khái niệm, vị trí, vai trò của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, của cấp ủy đảng, của ủy ban kiểm tra các cấp; nội dung, phương pháp, hình thức kiểm tra, giám sát của Đảng; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tổ chức đảng; thẩm quyền thi hành kỷ luật Đảng.	3,0 (2,0; 1,0)	XD02405
44.	<b>XD02410</b>	Công tác tư tưởng và dân vận của Đảng	Nội dung học phần gồm: những vấn đề cơ bản về công tác tư tưởng của Đảng (khái niệm, vai trò, nội dung, hình thức, nguyên tắc, phương châm, đấu tranh tư tưởng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch); những vấn đề cơ bản về công tác dân vận của Đảng (khái niệm, vai trò, nội dung, phương thức công tác dân vận của Đảng; công tác vận động công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, phụ nữ, dân tộc thiểu số, tín đồ chức sắc tôn giáo của Đảng; tổ chức bộ máy của ban dân vận cấp ủy các cấp)	3,0 (2,0; 1,0)	XD02402

<i>Tự chọn</i>			9/27		
45.	<b>XD03316</b>	Lý luận hành chính nhà nước	Nội dung học phần gồm: khái niệm, bản chất, đặc điểm, chức năng và phương pháp hành chính nhà nước Việt Nam; các yếu tố cơ bản cấu thành nên hành chính nhà nước; quá trình ban hành và tổ chức thực hiện quyết định hành chính nhà nước; sự cần thiết về kiểm soát đối với nền hành chính nhà nước; chủ trương, quan điểm của Đảng và nội dung, chương trình cải cách hành chính nhà nước Việt Nam giai đoạn hiện nay.	3,0 (2,0;1,0)	NP02001
46.	<b>XD02411</b>	Kiểm tra, giám sát trong thực thi quyền lực nhà nước	Những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về công tác kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam theo nguyên tắc có sự phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước giữa hệ thống tổ chức các cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc Hội, Hội đồng nhân dân), cơ quan hành pháp (Chính phủ, Ủy ban nhân dân), Chủ tịch nước, cơ quan tư pháp (Toà án nhân dân), Viện kiểm sát nhân dân.	3,0 (2,0; 1,0)	NP02001
47.	<b>XD02419</b>	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực hành chính	Nội dung học phần gồm: khái niệm, bản chất, vai trò, nội dung, quy trình và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình quản lý và phát triển nguồn nhân lực hành chính; lập kế hoạch, tuyển dụng, sử dụng nguồn nhân lực hành chính; quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, công chức.	3,0 (2,0; 1,0)	NP02001
48.	<b>CT02053</b>	Quyền lực chính trị	Trang bị cho người học những tri thức, những qui luật, tính qui luật giành, giữ, tổ chức, thực thi và kiểm soát quyền lực chính trị, tập trung ở quyền lực nhà nước. Trên cơ sở đó giúp người học nhận thức sâu sắc hơn về bản chất quyền lực chính trị, phương thức tổ chức, cơ chế vận hành và thực thi của quyền lực chính trị; có khả năng nhận biết, phân tích những hiện tượng, quá trình chính trị.	3,0 (2,0;1,0)	
49.	<b>NP02014</b>	Khoa học quản lý	Bao gồm hệ thống tri thức cơ bản, khái quát về các quy luật, các nguyên tắc, chức năng, công cụ, phương pháp xây dựng quan hệ quản lý, quyết định quản lý, lao động quản lý và cán bộ quản lý trong quá trình thực hiện hoạt động quản lý xã hội.	3,0 (2,0;1,0)	NP02001
50	<b>CT02059</b>	Khoa học chính sách công	Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến chính sách công và quy trình chính sách công, giúp sinh viên hiểu được đặc điểm và nội dung của từng giai đoạn trong quy trình chính sách và thực tế chính sách công ở Việt Nam hiện nay, vận dụng những kiến thức chung về chính sách công để nhận định thực trạng chính sách công ở Việt Nam hiện nay, rèn luyện năng lực tư duy phân	3,0 (2,5;0,5)	

			tích, tư duy logic, nhận diện một chính sách công đồng thời biết phân tích, đánh giá ở mức độ đơn giản về các chính sách công trong thực tế.		
51.	<b>CT02054</b>	Thế chế chính trị thế giới đương đại	Cung cấp kiến thức chung nhất và hệ thống về các loại hình thể chế chính trị thế giới đương đại, kiến thức sâu về những thể chế chính trị điển hình ở một số nước trên thế giới thời kỳ hiện nay.	3,0 (2,0;1,0)	
52.	<b>CT03023</b>	Phân tích chính sách	Cung cấp kiến thức chung nhất và hệ thống về phân tích chính sách (từ hệ thống khái niệm đến các kỹ năng và công cụ cũng như kỹ năng tổ chức thực hiện phân tích chính sách công theo quy trình phân tích chuẩn và phương pháp phân tích)	3,0 (2,0; 1,0)	
53.	<b>XH02065</b>	Nghiên cứu dư luận xã hội	Cung cấp các kiến thức cơ bản về khái niệm, lý thuyết tiếp cận, đặc điểm, tính chất, chức năng của dư luận xã hội (DLXH), đồng thời đặt trong tâm vào trang bị kiến thức, phương pháp nghiên cứu DLXH, cụ thể như: các phương pháp nghiên cứu DLXH, tiến trình nghiên cứu DLXH, kỹ thuật xây dựng công cụ hỗ trợ quá trình nghiên cứu DLXH, kỹ thuật phân tích, trình bày dữ liệu, số liệu nghiên cứu cũng như ứng dụng cụ thể kết quả nghiên cứu DLXH trong quản lý xã hội.	3,0 (1,5;1,5)	
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>31</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>25</b>	
54.	<b>XD02412</b>	Nghiệp vụ công tác tổ chức, cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ	Nội dung học phần gồm những vấn đề cơ bản về nghiệp vụ công tác tổ chức, cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ như: Tổ chức và công tác tổ chức của Đảng; công tác quy hoạch, luân chuyển, điều động, lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ; quản lý, đánh giá cán bộ; kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; công tác hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ.	4,0 (2,0; 2,0)	XD02401 XD02405
55.	<b>XD03350</b>	Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị	Nội dung học phần gồm: nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, nguyên tắc tổ chức, hoạt động của bộ máy Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị- xã hội ở Việt Nam; cơ cấu tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở Việt Nam; kiện toàn và đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị hiện nay.	3,0 (2,0; 1,0)	XD02401
56.	<b>XD02413</b>	Giao tiếp trong thực thi công vụ	Nội dung học phần gồm: khái niệm, nguyên tắc, hình thức, kỹ năng giao tiếp về nghe, nói, đọc, viết, phi ngôn từ, thuyết trình, thuyết phục...; nghi thức giao tiếp cụ thể ở Việt Nam; rèn luyện, vận dụng các kỹ năng trong làm việc nhóm, ứng xử	3,0 (2,0; 1,0)	

			giao tiếp nội bộ giữa cấp trên với cấp dưới, cấp dưới với cấp trên và giữa đồng nghiệp với nhau, giải quyết xung đột trong giao tiếp công vụ...		
57.	<b>XD03351</b>	Công vụ, công chức và những vấn đề cơ bản của Luật cán bộ, công chức	Nội dung học phần gồm: khái niệm, đặc trưng, nguyên tắc và các yếu tố cơ bản để thực thi công vụ; công chức và các nội dung cơ bản về công chức như khái niệm, phân loại, quyền, nghĩa vụ của cán bộ, công chức theo quy định của luật cán bộ, công chức; một số hoạt động liên quan đến quản lý công chức hiện nay; trách nhiệm công vụ và xử lý vi phạm của cán bộ, công chức.	3,0 (2,0; 1,0)	XD03318
<i>Thực tế, thực tập và khóa luận tốt nghiệp (12 tín chỉ)</i>					
58.	<b>XD03331</b>	Kiến tập nghề nghiệp	Những kiến thức thực tiễn công tác tổ chức trong chương trình đào tạo xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước năm học thứ ba. Cụ thể: tiếp cận và nắm bắt hoạt động của các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp; thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt kiến tập;...	3,0 (0,5; 2,5)	XD03350 XD02412
59.	<b>XD03332</b>	Thực tập nghề nghiệp	Những kiến thức thực tiễn công tác tổ chức trong chương trình đào tạo xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước năm cuối cùng (thực tập tốt nghiệp). Cụ thể: tiếp cận và nắm bắt hoạt động của các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp; thực hành các nghiệp vụ về công tác tổ chức; thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và xây dựng được bản tham mưu cho nhà lãnh đạo, quản lý về vấn đề tổ chức, nhân sự; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;...	3,0 (0,5; 2,5)	XD03350 XD03331 XD02412
60.	<b>XD04007</b>	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên lựa chọn đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước chuyên ngành công tác tổ chức, thực hiện khóa luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên	<b>6</b>	
<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)</i>					
61.	<b>XD03347</b>	Công tác văn phòng	Nội dung học phần gồm: những kiến thức cơ bản về văn phòng cấp ủy và văn phòng hành chính Nhà nước như khái niệm, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy; hiện đại hóa văn phòng và các nghiệp vụ cơ bản của công tác văn phòng gồm xây dựng chương trình công tác của cấp ủy, công tác thông tin phục vụ cấp ủy, công tác phục vụ các kỳ họp của cấp ủy, công tác lễ tân Nhà nước,	3,0 (2,0;1,0)	

			công tác soạn thảo văn bản và công tác văn thư, lưu trữ của Đảng, Nhà nước.		
62.	<b>XD03353</b>	Nghiệp vụ công tác đảng viên	Nội dung học phần gồm những vấn đề cơ bản về nghiệp vụ công tác đảng viên: kết nạp đảng viên; quản lý đảng viên và phân công công tác cho đảng viên; đánh giá và phân loại chất lượng đảng viên; chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên; xây dựng kế hoạch giáo dục, rèn luyện đảng viên; báo cáo, thống kê về đội ngũ đảng viên và một số kỹ năng xử lý tình huống trong công tác đảng viên.	3,0 (2,0;1,0)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
63.	<b>XD02414</b>	Lãnh đạo và quản lý cấp cơ sở	Nội dung học phần gồm: khái niệm, chủ thể, chức năng, nhiệm vụ, vai trò, nội dung và phương thức hoạt động lãnh đạo, quản lý của tổ chức cơ sở đảng, chính quyền cơ sở, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức tự quản ở cấp cơ sở và đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở.	3,0 (2,0;1,0)	
64.	<b>XD02415</b>	Xử lý tình huống trong xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	Nội dung học phần gồm: quan niệm, dấu hiệu nhận biết; các nguyên tắc và quy trình, phương pháp xử lý tình huống trong xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; giới thiệu một số dạng tình huống thường gặp trong các lĩnh vực công tác Đảng, trong quản lý hành chính nhà nước và phương pháp xử lý.	3,0 (2,0;1,0)	
65.	<b>XD02416</b>	Xử lý tình huống trong công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên	Nội dung học phần gồm: những vấn đề cơ bản về xử lý tình huống trong công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên như nguyên tắc, quy trình, phương pháp; xử lý một số tình huống cụ thể trong công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên.	3,0 (2,0;1,0)	
66.	<b>XD02417</b>	Xử lý tình huống trong công tác dân vận	Nội dung học phần gồm: những vấn đề lý luận và thực tiễn về tình huống và phương pháp xử lý tình huống dân vận của Đảng; phương hướng và giải pháp cơ bản nâng cao năng lực xử lý tình huống; các tình huống trong công tác dân vận của Đảng; nguyên tắc và quy trình, phương pháp xử lý tình huống trong công tác dân vận; nghiệp vụ của cán bộ dân vận.	3,0 (2,0;1,0)	
67.	<b>XD02418</b>	Nghiệp vụ quản lý nhân sự	Nội dung học phần gồm: hoạch định nguồn nhân sự; phân công, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển, đánh giá nhân sự; rèn luyện một số kỹ năng cơ bản về quản lý nhân sự như kỹ năng lập kế hoạch về nhân sự, phân tích công việc, tuyển dụng nhân sự, kỹ năng tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân sự, kỹ năng tạo động	3,0 (2,0;1,0)	







## 10. Hướng dẫn thực hiện

### 10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến

TT	Mã học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1.	TM01001	4.0	*							
2.	KT01001	3.0	*							
3.	CN01001	3.0	*							
4.	LS01001	3.0		*						
5.	TH01001	2.0		*						
6.	NP01001	3.0			*					
7.	CT01001	2.0			*					
8.	XD01001	2.0			*					
9.	TG01004	2.0		*						
10.	TT01002	2.0		*						
11.	TM01003	2.0		*						
12.	TM01007	2.0		*						
13.	TG01003	2.0		*						
14.	TT01001	2.0		*						
15.	TG01006	2.0		*						
16.	ĐC01001	2.0		*						
17.	QQ01002	2.0		*						
18.	XH01001	2.0		*						
19.	ĐC01005	3.0	*							
20.	NN01015	4.0	*							
21.	NN01016	4.0		*						
22.	NN01017	4.0			*					
23.	NN01019	4.0	*							
24.	NN01020	4.0		*						
25.	NN01021	4.0			*					
26.	XD01004	3.0			*					
27.	NP02001	3.0				*				
28.	QT02001	3.0			*					
29.	TT02353	3.0				*				
30.	XD02303	3.0				*				
31.	XD02403	3.0				*				
32.	KT02001	3.0				*				
33.	XD02401	3.0				*				
34.	NP02002	3.0				*				
35.	QT02560	3.0				*				
36.	XD02402	3.0				*				
37.	XD02404	4.0					*			
38.	XD02405	3.0					*			

39.	XD02406	2.0				*				
40.	XD03318	3.0					*			
41.	XD02407	3.0					*			
42.	XD02408	3.0					*			
43.	XD02409	3.0						*		
44.	XD02410	3.0							*	
45.	XD03316	3.0						*		
46.	XD02411	3.0						*		
47.	XD02419	3.0						*		
48.	CT02053	3.0						*		
49.	NP02014	3.0						*		
50.	CT02059	3.0						*		
51.	CT02054	3.0						*		
52.	CT03023	3.0						*		
53.	XH02065	3.0						*		
54.	XD02412	4.0							*	
55.	XD03350	3.0						*		
56.	XD02413	3.0							*	
57.	XD03351	3.0								*
58.	XD03331	3.0						*		
59.	XD03332	3.0								*
60.	XD04007	6.0								*
61.	XD03347	3.0								*
62.	XD03353	3.0								*
63.	XD02414	3.0							*	
64.	XD02415	3.0							*	
65.	XD02416	3.0							*	
66.	XD02417	3.0							*	
67.	XD02418	3.0							*	
68.	XD03355	3.0							*	

## ***10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình***

### ***\* Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo***

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có trụ sở tại số 36, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội với tổng diện tích đất 80.464m<sup>2</sup> và diện tích sử dụng là 57.310 m<sup>2</sup>.

Để phục vụ việc giảng dạy và nghiên cứu, Học viện có một hệ thống giảng đường với 1 hội trường lớn (800 chỗ); 1 giảng đường trên 200 chỗ; 8 phòng học từ 100 – 200 chỗ, 56 phòng học cho 50 – 100 học viên và 29 phòng học dưới 50 chỗ. Hầu hết các giảng đường và phòng học của Học viện đều được lắp đặt máy chiếu Projector để giảng viên sử dụng vào quá trình giảng dạy. Tất cả các giảng đường và phòng học đều được lắp đặt hệ thống âm thanh. Hơn 100 phòng học đã được trang bị điều hòa. Học viện có 3 phòng học ngoại ngữ, 5 phòng giảng dạy và thực hành máy vi tính. Trung tâm Thông tin Tư liệu - Thư viện với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn, sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu đa dạng của cán bộ công nhân viên chức và sinh viên trong trường. Ngoài ra, Học viện có phòng dựng phim, phòng máy photocopy, máy in siêu tốc, máy Fax.

Học viện có trang Web được đưa lên mạng Internet và sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng trong quản lý, khai thác các dữ liệu, tư liệu, tài liệu đào tạo.

Khoa Xây dựng Đảng có các thiết bị hiện đại phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Đặc biệt, Khoa còn xây dựng riêng một tủ sách chuyên ngành liên quan đến ngành XDĐ&CQNN, tổ chức phục vụ sinh viên ngay tại văn phòng khoa.

#### ***\* Về đội ngũ giảng viên***

Đội ngũ giảng viên giảng dạy chuyên ngành tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 02 Phó giáo sư - Tiến sỹ, 05 Tiến sỹ, 03 thạc sỹ Nghiên cứu sinh, 02 Thạc sỹ xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và Tiến sỹ xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành tổ chức được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín trong và ngoài nước. Tham gia giảng dạy chương trình này có các chuyên gia chuyên ngành tổ chức của Viện Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

#### ***10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình***

*- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước:*

(1) Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của Nhà nước, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các

bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

(2) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong khoa về các nội dung điều chỉnh.

(3) Trình Hội đồng khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

(4) Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.

*- Việc điều chỉnh chương trình đào tạo phải tuân thủ theo nguyên tắc:*

(1) Thời lượng của chương trình đào tạo gồm 130 tín chỉ. Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

(2) Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được Hội đồng khoa thông qua.

(3) Việc đưa môn học mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng khoa thông qua và xác nhận.

**GIÁM ĐỐC**

**(đã ký)**

**Trương Ngọc Nam**